TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐH** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2022/QĐST-HNGĐ	*Định Hoá, ngày 29 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm;

2. Bà Nông Thị Quyên.

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thuận tình ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thanh T, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm KT, xã PĐ, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm KM, xã LT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Triệu Văn C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xóm KT, xã PĐ, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thanh T và anh Triệu Văn C thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Lương Thị Thanh T và anh Triệu Văn C có hai con chung là Triệu Thị Thảo, sinh ngày 29/7/2005; Triệu Thị Quỳnh, sinh ngày 19/12/2006. Ly hôn chị Lương Thị Thanh T và anh Triệu Văn C thống nhất thỏa thuận để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Triệu Thị Quỳnh, sinh ngày 19/12/2006, anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Triệu Thị Thảo, sinh ngày 29/7/2005 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Lương Thị Thanh T và anh

Triệu Văn C do chị T và anh C không ai yêu cầu. Chị T và anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị Thanh T và anh Triệu Văn C thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về công sức đóng góp cho gia đình anh C: Chị T và anh C đều xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Thị Thanh T tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004482 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.